

TÌM HIỂU THÊM VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

PHẠM HỒNG TUNG*

Mặc dù chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian tương đối ngắn (từ tháng 3 đến tháng 12 năm 1907), nhưng với tất cả những hoạt động giáo dục và hoạt động yêu nước đặc sắc của mình, Trường Đông Kinh Nghĩa Thực ở Hà Nội đã thực sự có một vị trí đặc biệt trong lịch sử phong trào yêu nước Việt Nam nói chung và trong lịch sử giáo dục và lịch sử tư tưởng Việt Nam nói riêng. Cho đến nay lịch sử hoạt động của Trường Đông Kinh Nghĩa Thực nói riêng và lịch sử phong trào nghĩa thực, phong trào Duy tân nói chung đã được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài. Dựa trên những tài liệu giáo dục và truyền của Đông Kinh Nghĩa Thực được Cục Lưu trữ Nhà nước Việt Nam và Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp khai thác từ các kho lưu trữ và công bố vào năm 1997 (1), bài viết này sẽ tập trung phân tích, góp phần làm sáng tỏ những đóng góp nổi bật của nhà trường trên bình diện tư tưởng, đặc biệt là ở ba khía cạnh: triết lý giáo dục.

1. Trường Đông Kinh Nghĩa Thực: những tiền đề lịch sử của triết lý giáo dục mới

Vị trí đặc biệt của Trường Đông Kinh Nghĩa Thực trong lịch sử nền giáo dục hiện

đại Việt Nam chắc hẳn không phải được xác lập dựa trên thành quả đào tạo của nó, bởi nhà trường chỉ được tồn tại trong một thời gian ngắn thì đã bị chính quyền thực dân Pháp đóng cửa, do vậy chưa có học viên nào “tốt nghiệp” từ ngôi trường này theo một thể thức nào đó. Tuy nhiên, với một triết lý giáo dục mới, thông qua mô hình đào tạo, và đặc biệt là nội dung đào tạo của mình, Đông Kinh Nghĩa Thực đã thực sự cắm một cột mốc lớn trên hành trình lịch sử của nền giáo dục Việt Nam hiện đại. Về nội dung, có thể tóm lược triết lý giáo dục mới của nhà trường như sau: *nền giáo dục mới phải là một nền giáo dục yêu nước yêu nòi, dân tộc hóa và khoa học hóa và đại chúng hóa, hướng tới mục tiêu khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, làm cơ sở cho việc thực hiện hai mục tiêu tối hậu gắn chặt với nhau là chấn hưng, hiện đại hóa đất nước và khôi phục chủ quyền quốc gia - dân tộc*. Triết lý giáo dục này đã được trình bày khá đầy đủ và súc tích trong lời *Bài hát khuyên người học chữ Quốc ngữ*:

“Chữ quốc ngữ là hồn trong nước,

Phải đem ra tính trước dân ta (...)

Sách các nước, sách China,

Chữ nào nghĩa ấy dịch ra tỏ tường.

* PGS.TS. Đại học Quốc gia Hà Nội

Nông công cổ trăm đường cũng thế,

Hợp đàn nhau thì dễ toan lo.

Á, Áu chung lại một lò,

Đúc lên tư cách mới cho là người

Một người học muôn người đều biết,

Trí ta khôn muôn việc đều hay.

Lợi quyền nắm được vào tay,

Có cơ tiến hóa có ngày văn minh.

Chuông độc lập vang đình diễn thuyết,

Pháo hoan nghênh dậy biển Nam dương" (2).

Cần phải nói ngay rằng những nhà Nho cấp tiến sáng lập và lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa thực, như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Phan Châu Trinh..., không phải là những người đầu tiên và duy nhất nêu ra và cổ súy cho triết lý giáo dục trên đây, mà quan trọng hơn họ và các học trò của họ tại ngôi trường này đã thực hiện triết lý đó một cách tương đối đầy đủ và trọn vẹn thông qua hoạt động thực tiễn của mình.

Về mặt lịch sử, có lẽ Nguyễn Trường Tộ là người đầu tiên đã phê phán mạnh mẽ và tương đối có hệ thống những điều hủ bại và bất cập của nền giáo dục và khoa cử Nho học, đồng thời đưa ra những đề xuất cải cách giáo dục nhằm xây dựng một nền giáo dục dân tộc mới theo mô hình giáo dục hiện đại phương Tây. Tuy mới chỉ nêu ra những nét cơ bản nhất trong khuôn khổ của những bản điều trần gửi cho triều đình Huế nhưng vẫn có thể coi Nguyễn Trường Tộ là người đầu tiên khởi xướng triết lý giáo dục mới mà sau này những nhà Nho duy tân lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa thực tiếp tục hoàn thiện, tuyên truyền và vận dụng vào thực tiễn (3).

Tuy nhiên, triết lý giáo dục của Đông Kinh Nghĩa Thực không chỉ đơn giản là sự kế thừa và phát triển những tư tưởng cải cách giáo dục được Nguyễn Trường Tộ nêu ra từ giữa thế kỷ 19, mà ngược lại nó còn thấm đẫm hơi thở của thời đại. Có ba nguồn mạch tư tưởng đã thổi sức sống mãnh liệt vào triết lý giáo dục, triết lý nhân sinh và triết lý chính trị của Đông Kinh Nghĩa Thực nói riêng và của toàn bộ phong trào Duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ 20.

Thứ nhất, đó chính là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam truyền thống, ngọn cờ tư tưởng chủ đạo của toàn bộ cuộc vận động yêu nước thời kỳ này, bao gồm cả phong trào Đông Du, phong trào Duy tân, phong trào nghĩa thực và các cuộc đấu tranh khác. Vì vậy, như sẽ chỉ ra dưới đây, nền giáo dục mới mà Trường Đông Kinh Nghĩa Thực cổ súy và thực hành trước hết và về căn bản là một nền giáo dục dân tộc, yêu nước, hướng tới mục tiêu cứu nước.

Cội nguồn tư tưởng thứ hai của Đông Kinh Nghĩa Thực chính là dòng tư tưởng cải cách được truyền bá mạnh mẽ vào Việt Nam lúc đó qua làn sóng *Tân thư, Tân báo*. ở những năm đầu (1900-1905) giữ vai trò quan trọng nhất là các tác phẩm của các nhà cải cách Trung Quốc như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu và những tác phẩm của các nhà tư tưởng phương Tây như Montesquieu (*Mạnh Đức Tư Cự*), Rousseau (*Lư Thoa*) và Spencer (*Tân Tư Tắc*) được các nhà cải cách Trung Quốc và Nhật Bản tiếp thu, biên dịch và truyền bá rộng rãi ở Đông Á. Trong những năm tiếp theo (1905-1908) thì các tác phẩm do Phan Bội Châu và các yếu nhân của phong trào Đông Du sáng tác và gửi về trong nước cùng với các trước tác của Phan Châu Trinh và các nhà Nho duy tân đã giữ vai trò quan trọng hơn. Trong những tác phẩm

này ba yếu tố quan trọng là chủ nghĩa yêu nước thiết tha, tư tưởng duy tân, cải cách và đặc biệt là những kinh nghiệm khảo sát được từ thực tiễn cải cách ở Nhật Bản và từ thế giới bên ngoài đã hòa quyện với nhau, trở thành ngọn cờ tư tưởng của Đông Kinh Nghĩa Thực.

Một yếu tố có thể cũng được coi như một trong những cơ sở của triết lý giáo dục, triết lý nhân sinh và triết lý chính trị của Đông Kinh Nghĩa Thực mà từ trước tới nay chưa được các nhà nghiên cứu quan tâm, đánh giá đúng mức, đó là *yếu tố thực tiễn*. Có những mặt, những quá trình thực tiễn vận động dường như đối lập nhau, nhưng lại cùng đưa đến một hiệu ứng tư tưởng chung. Ở đây chúng tôi xin nhấn mạnh một số quá trình thực tiễn sau đây:

Trước hết là thất bại của phong trào yêu nước cuối thế kỷ 19, đặc biệt là của phong trào Cần Vương. Thực tiễn này đặt ra cho các nhà Nho cấp tiến thuộc thế hệ của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Văn Can... nhiệm vụ hết sức nặng nề: phải đưa ra một cách giải thích mới về nguyên nhân mất nước để trên cơ sở đó đề xuất, luận giải và thực hành những con đường cứu nước mới dựa trên một triết lý chính trị mới. Ở đây chúng tôi chỉ muốn chỉ ra rằng trong nỗ lực tìm hiểu nguyên nhân mất nước hồi đầu thế kỷ 20 các nhà Nho cấp tiến đã khẳng định rằng nền giáo dục Nho học sai lầm chính là một trong những nguyên nhân cơ bản nhất làm mất nước, như lời của Vũ Phạm Hàm:

"Đem thân khoa bảng làm tôi Pháp,

Chỉ tại nhà Nho học sách Tàu" (4)

Vì vậy mà thời kỳ này chính các nhà Nho cấp tiến đã viết *"Văn tế sống thầy đồ hủ"*, *"cáo hủ lậu văn"*... tuyên rõ bản án tử hình đối triết lý giáo dục cũ, ngõ hầu cổ súy

cho một sự thay đổi căn bản triết lý giáo dục của người Việt Nam.

Một yếu tố thực tiễn khác chắc chắn cũng ảnh hưởng không nhỏ tới chuyển biến tư tưởng của các nhà Nho cấp tiến, lãnh tụ của phong trào Duy tân và của Đông Kinh Nghĩa Thực, đó chính là *công cuộc thực dân hóa của người Pháp ở Việt Nam nói chung và sự du nhập bước đầu của nền giáo dục phương Tây vào nước ta nói riêng*. Xem xét kỹ có thể thấy công cuộc xây dựng và khai thác thuộc địa của người Pháp đã in đậm dấu ấn trong các tài liệu của Đông Kinh Nghĩa Thực và của phong trào Duy tân hồi đó. Trước hết, đối với các nhà Nho yêu nước, dù thuộc phái "bạo động" hay phái "duy tân", công cuộc thực dân hóa của Pháp về căn bản đều được nhận thực là một ách áp bức, bóc lột tàn bạo ("âm toan, dương bác") của kẻ thống trị ngoại bang dị chủng. Vì vậy, trong nhiều tài liệu Đông Kinh Nghĩa Thực không những chỉ tố cáo những thủ đoạn bóc lột và áp bức của thực dân Pháp mà còn cảnh báo nguy cơ diệt chủng, diệt nòi của dân tộc Việt, nếu dân tộc này không biết đoàn kết và kịp tiến hóa. Nhưng mặt khác, các nhà Nho duy tân cũng thừa nhận tính "ưu thắng" của văn minh, khoa học và kỹ nghệ phương Tây và đã bước đầu nhận ra một số yếu tố tích cực của công cuộc phát triển thuộc địa của người Pháp. Bằng chứng rõ nhất là ở thời kỳ này các nhà Nho yêu nước, cấp tiến không còn ai miệt thị, gọi người Pháp và những người phương Tây khác là "rợ Tây Dương", những kẻ theo "bá đạo", như thế hệ các lãnh tụ phong trào Cần Vương trở về trước. Ngược lại, họ ra sức kêu gọi dân chúng, nhất là lớp thanh niên học theo văn minh và các môn khoa học, kỹ nghệ Thái Tây, để một ngày kia trở nên văn minh, tự cường, hùng mạnh:

*"Gương các nước Âu châu treo đó,
Người Nam ta phải cố làm sao...
Cũng cơ, cũng điện cũng thuyền,
Cũng thương, cũng học đua chen với
người."*

*Tri khôn ta mở từ rày,
Có khi giàu mạnh độ tày năm châu" (5)*

2. Nội dung triết lý giáo dục Tân học của Đông Kinh Nghĩa Thực

Về nội dung, triết lý giáo dục mới mà hồi đó gọi là "Tân học", để phân biệt với giáo dục Nho học (tức "Cựu học"), bao gồm những điểm cốt yếu sau đây:

- Thứ nhất, đó là nền giáo dục dân tộc, luôn giương cao ngọn cờ yêu nước yêu nòi. Không chỉ học sinh của Trường Đông Kinh Nghĩa Thực mà hàng triệu người Việt Nam hồi đó đều thuộc và ghi nhớ lời "Bài hát yêu nước":

*"Làm cho rạng rỡ ông cha,
Có lòng yêu nước mới là người Nam" (6)*

Và:

*"Làm cho cố kết ngàn năm,
Mới hay rằng bọn người Nam anh hùng.
Làm cho nổi tiếng Lạc Long,*

Về vang dòng dõi con Rồng cháu Tiên"
(7)

Chính thực dân Pháp hồi đó cũng sớm nhận ra rằng Trường Đông Kinh Nghĩa Thực chính là "một cái lò yêu nước". Cần phải nhấn mạnh rằng nội dung của chủ nghĩa yêu nước mà Đông Kinh Nghĩa Thực cổ súy đã có những điểm khác căn bản với chủ nghĩa yêu nước truyền thống và đã bước đầu mang đặc điểm của chủ nghĩa dân tộc hiện đại, đồng thời nội dung yêu nước chính là một trong những yếu tố căn

cốt nhất của triết lý giáo dục mới mà nhà trường tuyên truyền và thực hiện.

- Thứ hai, mục đích tối hậu của việc học không phải để làm quan, cũng không phải để cho "sáng đạo Thánh hiền", mà là nhằm "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", mở đường cho công cuộc phục hưng, tự cường dân tộc và cuối cùng là giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị ngoại bang. Phê phán triết lý giáo dục của nền Cựu học, sách "Quốc dân độc bản" của Đông Kinh Nghĩa Thực viết:

"Trường học nước ta lấy khoa cử là mục đích, cho nên không phải ai cũng có chí trở thành công khanh đại phu, nhưng mặc dù dốt đặc thì chí vẫn ở chỗ công khanh đại phu. Vậy nên họ cứ cầm đầu, cầm cổ đọc những cuốn sách trống rỗng, không thiết thực, kiến thức thiếu thốn. Học xong đi thi, hoặc mong ở chỗ văn hay, hoặc sao chép những lời cũ rích... suốt đời mong mong làm công khanh đại phu,... không thêm ngang hàng với công, nông, thương... Không có nọc độc khoa cử, làm sao đến nổi hàng trăm thứ học bị bỏ phế, nhân tâm suy yếu đến như vậy! Chúng ta phải căm ghét, đau đớn vì tình trạng đó, không thể để thiếu niên chúng ta nhiễm lây cái nọc độc ấy nữa" (8).

Cho nên, điều cốt yếu nhất trong triết lý giáo dục mới của Đông Kinh Nghĩa Thực là phải giảng giải cho người đi học và cho toàn dân tộc mục đích mới của nền Tân học. *Đó là trước hết phải là một nền thực học, khoa học, trước hết hướng tới sự mở mang tri thức và hoàn thiện nhân cách của người học, biến người học thành những người thực sự hữu dụng cho xã hội và do đó góp phần vào sự nghiệp tự cường dân tộc, giải phóng giống nòi. Trong mục "Giải thích về việc học" sách Quốc dân độc bản viết:*

"Theo lý chung học là để có ích cho bản thân mình và cho quốc gia, xã hội. Có ba điều, một là học vệ sinh, tức là học phương pháp làm cho thân thể cường tráng, không bệnh tật; hai là học trị sinh, tức là học phương pháp làm cho có thức ăn, đồ mặc và quản lý sản nghiệp; ba là học làm người làm quốc dân... Đạt được ba điều ấy là cái học hữu dụng, không đạt được ba điều ấy là cái học vô dụng" (9).

Trong một tài liệu tuyên truyền khác của Đông Kinh Nghĩa Thục triết lý này được trình bày súc tích hơn:

"Một người học muôn người đều biết,

Trí ta khôn muôn việc đều hay.

Lợi quyền nắm được vào tay,

Có cơ tiến hóa có ngày văn minh" (10)

- Thứ ba, nền Tân học phải là một nền giáo dục khoa học hiện đại. Trên cơ sở nhận rõ những hạn chế của nền Cựu học Nho giáo, các nhà Nho cấp tiến sáng lập và lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục đã ra sức cổ súy cho nền giáo dục mới theo mô hình trường học phương Tây. Bên cạnh các môn học "truyền thống" mà ngày nay chúng ta xếp vào lĩnh vực KHXH&NV, toán pháp và các môn khoa học tự nhiên (mà lúc đó thường gộp chung lại gọi là các môn học Thái Tây như thiên văn, địa lý, vật lý, hóa học...) rất được coi trọng.

Tuy nhiên, xem xét kỹ có thể nhận ra rằng trong chương trình giáo dục được Đông Kinh Nghĩa Thục thực hành và trong các tài liệu tuyên truyền của nhà trường dường như các nhà Nho cấp tiến thời đó chú trọng nhiều hơn vào giáo dục nghề nghiệp chứ không phải là các ngành khoa học, hay nói cho đúng, các cụ chưa có sự phân biệt giữa khoa học và kỹ nghệ hiện đại. Có thể cắt nghĩa hiện thực trên đây

bằng những cách khác nhau. Trước hết, mạch nguồn chủ đạo (hay luận đề gốc) trong triết lý giáo dục của Đông Kinh Nghĩa Thục là bài trừ lối học khoa trương, hình thức của Nho học, khuyếch trương, cổ vũ thực học. Do vậy mà các nhà Nho cấp tiến tập trung vào việc cổ vũ cho giáo dục nghề nghiệp, cổ vũ cho việc phát triển công, thương, kỹ nghệ, coi đó như đột phá khẩu của sự nghiệp tự cường dân tộc. Mặt khác, lúc đó các ngành khoa học phương Tây, đặc biệt là toán học và các ngành khoa học tự nhiên, mới được truyền bá ở mức độ rất hạn chế ở phương Đông. Riêng tại Việt Nam, những cơ sở giáo dục mà người Pháp thiết lập nên còn hết sức nghèo nàn và ở trình độ sơ khai. Ngay Đại học Đông Dương mà Toàn quyền Paul Beau ký nghị định thành lập vào ngày 16-5-1906 với 5 trường thành viên, trong đó có Trường Cao đẳng khoa học (*École supérieure des Sciences*), tới tháng 11 năm 1907 mới được khai giảng, sau một năm hoạt động đã phải tạm dừng hoạt động. Sau đó chỉ có một số trường thành viên tiếp tục đào tạo, như trường Y, trường Hành chính và trường Xây dựng dân dụng. Các môn khoa học như toán, vật lý, hóa học, địa lý... tiếp tục được giảng dạy tại các cơ sở giáo dục bậc phổ thông và đại học để trang bị kiến thức cơ sở cho học sinh. Không ít người dạy các môn này là quan chức thực dân hoặc là giáo viên các môn khác tham gia giảng dạy với vai trò là "giáo viên kiêm nhiệm". Có thể thấy là trong tình hình như vậy những người sáng lập và lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục khó có cơ sở thực tiễn để xây dựng nội dung và giảng dạy về các ngành khoa học phương Tây. Cuối cùng, không được quên thực tế là tất cả các yếu nhân của Đông Kinh Nghĩa Thục đều xuất thân từ trường Nho. Dù họ có chịu ảnh hưởng của văn minh và tư tưởng phương Tây, nhưng họ không thể

tiếp thu được các khoa học phương Tây, và do đó không thể truyền bá những khoa học đó được.

Ngay cả các môn khoa học xã hội mà nhà trường Đông Kinh Nghĩa Thục tổ chức giảng dạy cũng đã vượt qua những định chế và đặc tính của Nho học và bước đầu mang dáng dấp của khoa học xã hội hiện đại. Bên cạnh những chương mục bàn về đạo đức, luân lý, sách *Quốc dân độc bản* đã dành nhiều chương mục bàn về luật pháp, hành chính, giao thông, thông tin, sản nghiệp, nhân công, tiền công, tư bản, thông thương, tiền tệ, ngân hàng, trái phiếu, công ty... Đây là những vấn đề mà trước đây bị các nhà Nho coi là "bỉ lậu", không bao giờ bàn tới. Chẳng hạn, trong mục bàn về "phân công lao động" các tác giả viết: *"Biết phân công lao động, biết dùng máy móc, thì tiết kiệm được sức người, có nhiều phẩm vật, đó là cái lợi thứ nhất. Nhưng có cái lợi, tất cũng có cái hại kèm theo. Đã phân công thì mỗi người sẽ chỉ làm một việc, và suốt đời không thay đổi. Khi công xưởng đóng cửa thì công nhân mất việc. Có máy móc thì người sống về nghề thủ công sẽ chết đói. Để tránh cái hại ấy, không có cách nào khác là mở mang việc học hành"* (11).

Nếu người đọc không được thông tin trước về xuất xứ của đoạn trích dẫn trên thì thật khó có thể tin rằng tác giả của những lời bàn đó lại là các nhà Nho Việt Nam đầu thế kỷ 20, những người vốn xuất thân từ "cửa Khổng, sân Trình" chỉ quen tâm chương trích cú, với "chi, hồ, giả, giả" mà thôi. Dù rằng xem kỹ những mục trên có thể phát hiện ra không ít những nội dung sai lệch, thiếu chính xác, và chúng ta có thể phỏng đoán rằng các nhà trước tác của Đông Kinh Nghĩa Thục hẳn đã dựa chủ yếu vào một số sách giáo khoa Nhật Bản hoặc Trung Quốc nào đó khi biên soạn,

nhưng chỉ riêng việc đưa những nội dung đó vào chương trình học tập của nhà trường đã là một bước tiến bộ mang tính chất cách mạng, báo hiệu một nền khoa học xã hội hiện đại đang ra đời ở Việt Nam. Và do đó, mặc dù còn có một số hạn chế, chương trình giáo dục mà Đông Kinh Nghĩa Thục đề xuất đã khác hẳn nội dung giáo dục của Nho học và đã thực sự tiêu biểu cho một triết lý giáo dục mới khoa học, hiện đại và giàu tinh thần thực tiễn.

- Thứ tư, nền Tân học phải là một nền giáo dục toàn diện, đảm bảo sự tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn minh, văn hóa hiện đại của phương Tây trên cơ sở phát huy các giá trị văn hóa, văn minh tốt đẹp của phương Đông và của dân tộc Việt Nam. Trong khi ra sức cổ vũ lớp thanh niên tiếp thu và học hỏi văn minh, văn hóa phương Tây, đồng thời phê phán rất gay gắt nền giáo dục Nho học và nhiều tập tục, thói quen, lối sống lạc hậu trong di sản văn hóa truyền thống dân tộc, những người khởi xướng và lãnh đạo Đông Kinh Nghĩa Thục không phủ nhận sạch trơn Nho học và văn hóa dân tộc và họ cũng không chủ trương tiếp nhận một chiều văn minh và văn hóa phương Tây. Đây là một điểm rất đáng chú ý mà bấy lâu nay các công trình nghiên cứu về Đông Kinh Nghĩa Thục nói riêng và phong trào Duy tân nói chung còn chưa quan tâm đầy đủ. Trong các ấn phẩm của Đông Kinh Nghĩa Thục thời đó hầu như không thấy các nhà Nho cấp tiến Việt Nam bộc lộ rõ chính kiến về cuộc tranh luận khá sôi nổi diễn ra trong các trào lưu cải cách ở Trung Quốc và Nhật Bản về phương thức và thái độ tiếp nhận văn minh phương Tây, cũng không thấy ai nêu ra những phương châm chủ đạo như kiểu "Trung học vi thể, Tây học vi dụng". Tuy nhiên, xem xét kỹ những sách giáo khoa

của Đông Kinh Nghĩa Thục, như *Văn minh Tân học sách*, *Quốc dân độc bản* và *Luân lý giáo khoa (tân đính)* có thể nhận thấy rõ nguyên tắc tiếp thu, kế thừa có chọn lọc các giá trị tốt đẹp của văn minh phương Đông và văn minh phương Tây, của các yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại để chung đúc nên một nền học vấn Việt Nam mới.

Trong các cuốn sách giáo khoa chủ yếu nói trên của Đông Kinh Nghĩa Thục, có lẽ cuốn *Luân lý giáo khoa (tân đính)* là cuốn còn thấm đẫm tinh thần Nho giáo nhất, nhưng đồng thời tinh thần Nho giáo đã được cải biến đi, hòa quyện với những yếu tố tinh thần tốt đẹp của văn minh phương Tây. Tại phần mở đầu, sau khi nhấn mạnh tầm quan trọng của môn luân lý đối với việc giáo dục thế hệ trẻ, cuốn sách này viết:

“Vì thế, với cha mẹ, anh em phải hiếu đễ; vợ chồng phải hòa thuận; bạn bè phải tin nhau; phải cung kính, cần kiệm; biết giữ mình; có lòng bác ái; chăm lo học hành, luyện tập nghề cho thành thạo; mở mang trí tuệ, phát huy khả năng; đạo đức tính tình đều tiến bộ, để làm được nhiều việc công ích, gánh vác việc đời, tôn trọng hiến pháp, làm rõ công lý, một ngày kia gặp chuyện nguy cấp, có thể đem lòng nghĩa dũng ra mà làm việc chung, chống ngoại xâm. Đó là nghĩa vụ và là trách nhiệm của người dân nước, không thể xem thường” (12).

Có thể coi đây là những tiêu chí đạo đức căn bản nhất của mẫu hình nhân cách người trí thức Việt Nam mới mà nhà trường Đông Kinh Nghĩa Thục hướng tới. Trong các mục tiếp theo, cuốn sách giáo khoa đạo đức này còn viện dẫn hầu hết các bậc “Thánh nhân” và “Hiển nhân” của Nho giáo, từ Khổng Tử, Mạnh Tử, Tăng Tử, Lã Bất Vi tới Tư Mã Quang, Trình Di, Trình

Hạo... để cắt nghĩa về các khái niệm đạo đức. Trong nhiều mục bàn về các phạm trù đạo đức căn bản có thể dễ dàng tìm ra những đoạn dẫn lời các nhà “kinh điển” Nho giáo trên, coi như những khuôn mẫu hiển nhiên được thừa nhận. Ngay cả lời giải thích của các tác giả thuộc nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục cũng thấm nhuần tinh thần Nho học. Chẳng hạn, trong mục bàn về “Trung hiếu”, sách *Luân lý giáo khoa (tân đính)* viết: “Trung và hiếu cùng một gốc, không phải hai gốc. Trung với vua tức là hiếu với cha mẹ; hiếu với cha mẹ tức là trung với vua”. Tiếp đó, sau khi dẫn lại lời Tăng Tử bàn về chữ “hiếu” trong *Lễ ký*, các tác giả viết: “*Than ôi! Đạo trung hiếu lớn vậy thay! Đức trung hiếu đẹp vậy thay! Nước nhà thịnh vượng hay suy vong, xã hội tiến bộ hay lạc hậu, cho đến bản thân, gia đình ta vinh hiển, hay danh dự bị chôn vùi, không cái gì không do trung hiếu mà ra. Con người há lại không lấy trung hiếu làm điều cơ bản hay sao?*” (13).

Nếu chỉ đọc những đoạn như trên thì có thể lầm tưởng rằng thế hệ nhà Nho như Phan Châu Trinh, Lương Văn Can và Nguyễn Quyền vẫn chẳng khác gì thế hệ Nho gia từ Nguyễn Đình Chiểu trở về trước với nguyên tắc: “Trai thời trung hiếu làm đầu, gái thời tiết hạnh làm câu trau mình”. Tuy nhiên, trong *Luân lý giáo khoa (tân đính)* và các tài liệu khác Đông Kinh Nghĩa Thục không chỉ kế thừa tinh hoa Nho học, mà còn nâng cao nó, hòa quyện nó với các yếu tố tinh túy của văn minh phương Tây. Thật thú vị khi trong chương thứ sáu của *Luân lý giáo khoa (tân đính)* có đoạn: “Đạo đức của anh và của tôi là tư đức. Đạo đức đối với mọi người mới là công đức. Công đức như làm điều tốt lành cho người là tích cực. Chúa Giê-xu Cơ-rít nói: *“Làm cho người cái mình muốn nhận”* là như thế. Bởi vì người

ta đối với xã hội mà chỉ là *"minh không muốn điều gì, chỉ làm cho người khác"* thì chưa đủ" (14). Lời dẫn thứ nhất là của Jesus Christ, lời thứ hai là của Khổng Tử. Thế là các nhà Nho cấp tiến đã dám đặt chúa Jesus lên trên cả Khổng Tử! Không những vượt qua các kỳ thị, định kiến tôn giáo, văn hóa, họ còn công khai kêu gọi dân chúng Việt Nam học theo những tục hay, nét đẹp của người phương Tây: "Các nước Âu, Mỹ đường rộng, chợ đông, buôn bán tấp nập, nhưng không hề có chuyện xô lấn nhau, cũng nhờ có phong tục ấy. Đẹp để thay!" (15).

Dấu đề cao các giá trị đạo đức, văn minh tốt đẹp của phương Đông và phương Tây, các lãnh tụ của Đông Kinh Nghĩa Thực không quên nhấn mạnh rằng đó trước hết và căn bản nhất phải là một nền giáo dục dân tộc. Bởi lẽ: "Giáo dục quốc dân thường phải tùy theo phong tục, tập quán, lịch sử, chính thể của từng nước, nên không giống nhau. Ở nước ta thì phải lấy trình độ giáo dục của nước ta làm chuẩn mà hoàn thiện tư cách của quốc dân ta. Đó là giáo dục phổ thông và giáo dục các khoa học chuyên môn. Lại còn phải coi trọng tính chất và sở thích của từng người nữa" (16). Rõ ràng là triết lý giáo dục của Đông Kinh Nghĩa Thực ở trên một tầm cao hơn hẳn so với nền giáo dục mang nặng tính vong bản của Nho học trước đây và nền giáo dục thực dân mang nặng tính nô dịch mà người Pháp đang thực hành ở Việt Nam lúc đó.

- Thứ năm, khác hẳn nền Cật học và cả nền giáo dục thực dân, nền Tân học mà Đông Kinh Nghĩa Thực cổ súy là nền giáo dục đại chúng.

Dấu rằng nước Đại Việt từ thế 15 đã đủ tự tin để tự xưng là một "nước văn hiến" thì sự thực không thể phủ nhận rằng trong

suốt chiều dài lịch sử cho tới đầu thế kỷ 20 giáo dục Nho giáo vẫn mang nặng tính chất của một nền "giáo dục tinh hoa" (elite education), trong đó cơ hội học tập chỉ được dành cho một số ít người ưu tú nhất và có điều kiện nhất mà thôi. Bước sang thời kỳ thực dân, dưới ngọn cờ "khai hóa văn minh" tới đầu thế kỷ 20 người Pháp cũng chỉ mới tạo ra được một nền giáo dục manh mún, dành cơ hội học tập chủ yếu cho con em người da trắng và số rất ít người bản xứ để đào tạo họ thành những hạng "thông ngôn, ký lục chi chi" mà thôi.

Trái hẳn với hai nền giáo dục đó, nền Tân học mà Trường Đông Kinh Nghĩa Thực khởi xướng, cổ súy và thực hành với tôn chỉ "khai dân trí, chấn dân khí" để hướng tới mục tiêu tối hậu là cứu nước và tự cường dân tộc thì nhất định phải là một nền giáo dục đại chúng với phương châm "một người học muôn người đều biết". Sách *Quốc dân độc bản* cất nghĩa điều này thật rành mạch: *"Văn minh của quốc dân là căn cứ vào mọi người trong nước mà nói, không phải chỉ cử ra một vài người mà cho là đủ. Làm cho cả nước văn minh thì phải có giáo dục phổ cập. Giáo dục phổ cập là cả nước không một người nào không được đi học"* (17). Như vậy, giáo dục được nhận thức như một tiêu chí văn minh của toàn cộng đồng dân tộc, và do đó là quyền và nghĩa vụ của tất cả mọi người dân. Nguyên tắc nền tảng này không chỉ đảm bảo cơ hội học tập như nhau dành cho tất cả mọi người mà còn quán xuyên cả trong nội dung giáo dục. "Trường học phương Tây lấy giáo dục làm chủ nghĩa, không ai không được giáo dục, cho nên ai cũng phải đến trường. Giáo dục phổ thông là dạy những kiến thức mà sĩ, nông, công, thương đều cần biết. Lên trên chia ra nhiều ngành chuyên môn, không bó hẹp theo một phương thức nào. Ở nước họ

không ai không học, mà đã học thì không ai không tinh thông" (18).

Đó chính là một nền giáo dục khoa học, hiện đại và đại chúng mà các nhà lãnh đạo của Trường Đông Kinh Nghĩa Thục mơ ước thiết lập ở nước ta. Nhưng trong bối cảnh ngặt nghèo của chế độ thực dân lúc đó thì những điều trên đây chỉ được nêu ra như một mô hình lý tưởng mà thôi. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà các nhà Nho cấp tiến giàu lòng yêu nước thời đó chịu bó tay. Trường Đông Kinh Nghĩa Thục đã sáng tạo ra phương thức riêng để thực hiện phương châm giáo dục đại chúng của mình, và hơn nữa, biến hoạt động giáo dục thành một cuộc vận động yêu nước, đó chính là những buổi diễn thuyết, bình văn với tư cách là các hoạt động ngoại khóa. Lời một bài ca thời đó đã ghi lại không khí của hoạt động này:

"Buổi diễn thuyết người đông như hội,

Kỳ bình văn khách tới như mưa".

Nhờ phương thức tổ chức hoạt động giáo dục độc đáo mà chỉ khoảng một tháng sau khi nhà trường được thành lập *Đăng cổ tùng báo* cho biết Trường Đông Kinh Nghĩa Thục đã có khoảng 400 học trò học bao gồm cả già, trẻ, trai, gái, học cả ngày lẫn đêm. Còn số người tham gia các buổi diễn thuyết, bình văn ước đến hàng nghìn (19).

Bên cạnh đó cách lập các hội học, hội nghĩa thực ở các địa phương như Hà Đông, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Nam... cũng xuất phát từ phương châm giáo dục đại chúng và góp phần vận dụng phương châm này vào thực tiễn, khiến cho nghĩa thực trở thành một phong trào phát triển mạnh ở nhiều địa phương. *"Bài hát khuyên người xem nhật báo"* (20) là một ví dụ cụ thể của việc Trường Đông Kinh Nghĩa Thục cổ súy

và hướng dẫn thực hiện phương châm giáo dục đại chúng trong bối cảnh lúc đó. Trước hết, nhà trường chỉ ra:

"Âu châu các nước người ta,

Thợ thuyền, lính tráng, đàn bà, trẻ con,

Làm ruộng với đi buôn cũng thế,

Tờ báo chương vẫn để cạnh mình.

Kể xem người giảng phân minh,

Ai ai cũng biết sự tình dở, hay.

Tờ nhật báo liền tay liền mắt,

Dẫu việc gì cũng bớt mà xem"

Sau đó Đông Kinh Nghĩa Thục khuyên người nước ta:

"Việc hay thì kíp làm ngay,

Kíp đem nhật báo đêm ngày giảng cho.

Thực là thuốc chữa ngu, chữa tối,

Thực là thang khỏi đói khỏi hèn"

Tròn 100 năm đã trôi qua, ngôi Trường Đông Kinh Nghĩa Thục mọc lên trên đất Thăng Long - Hà Nội nghìn năm văn vật vừa như một sự tiếp nối liền mạch với cuộc vận động yêu nước và với truyền thống văn hiến nghìn năm của dân tộc, vừa tiêu biểu cho một cuộc vận động duy tân tự cường đang bùng phát mạnh mẽ từ Bắc chí Nam. Tuy chỉ tồn tại được trong một thời gian ngắn ngủi nhưng Đông Kinh Nghĩa Thục đã đủ sức lan tỏa mạnh mẽ thành một phong trào nghĩa thực tới nhiều địa phương ở cả ba kỳ. Quan trọng hơn, với việc cổ súy và thực hành một triết lý giáo dục mới với thể hiện rõ tính chất yêu nước, dân tộc, khoa học, hiện đại và đại chúng, Đông Kinh Nghĩa Thục đã thực sự khẳng định được tầm vóc và ảnh hưởng to lớn của mình trong toàn bộ lịch sử giáo dục Việt Nam hiện đại.

CHÚ THÍCH

- (1). Cục Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp, *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa thực*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1997.
- (2). "Bài hát khuyên người học chữ quốc ngữ", in trong *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*, sđd, tr. 110-111.
- (3). Xem: Trương Bá Cẩn, *Nguyễn Trường Tộ - Con người và di thảo*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1991.
- (4). Dẫn lại theo: Trần Quốc Vượng, "Nho giáo và văn hóa Việt Nam". In trong: Vũ Khiêu (Chủ biên), *Nho giáo xưa và nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 174.
- (5). Xem: "Bài hát khuyên người xem nhật báo". In trong *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*, sđd, tr. 132-133. Mặc dù căm thù sâu sắc quân giặc cứu nước, nhưng các nhà Nho cấp tiến thời đó vẫn thừa nhận tính "ưu thắng" của thực dân phương Tây và không giấu diếm sự khâm phục của mình đối với những thành tựu kỹ nghệ phương Tây. Năm 1902, khi thực dân Pháp tổ chức khánh thành cầu Paul Doumer (cầu Long Biên ngày nay) thì Phan Bội Châu đã đi bộ từ Nghệ An ra Hà Nội để tận mắt chứng kiến cây cầu sắt vĩ đại này. Cuối năm 1904, khi đoàn chiến hạm Nga trên đường hành quân sang chiến trường Bắc Á có ghé vịnh Cam Ranh, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và Thái Phiên đã thuê một chiếc thuyền đánh cá giả dạng dân chài tiến sát đoàn chiến hạm này để tận mắt "chiếm ngưỡng" đoàn pháo thuyền Nga.
- (6). "Bài hát yêu nước", sđd, tr. 112.
- (7). "Bài hát hợp đàn", sđd, tr. 113.
- (8). "Quốc dân độc bản", in trong: sđd, tr. 74.
- (9). *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*. Sđd, tr. 71-72.
- (10). "Bài hát khuyên người học chữ quốc ngữ", in trong: sđd, tr. 111.
- (11). "Quốc dân độc bản", *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực* sđd, tr. 95.
- (12). "Luân lý giáo khoa (tân đính)", in trong: *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*, sđd, tr. 14.
- (13). *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*, sđd, tr. 14-16.
- (14). *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*, sđd, tr. 39-40.
- (15). *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*, sđd, tr. 41.
- (16). *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*, sđd, tr. 21.
- (17). "Quốc dân độc bản", *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*, sđd, tr. 71.
- (18). "Quốc dân độc bản", *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*, sđd, tr. 73-74.
- (19). *Đăng cổ tùng báo*, số 797 (4- 1907).
- (20). Xem: *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực*, sđd, tr. 132-133.